

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2024/DS-ST**

Ngày: 04- 7- 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Tân

2. Ông Phạm Đức Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 04/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2023/TLST-DS ngày 01/12/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quyết đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2024/QĐST – DS ngày 17/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH C

Địa chỉ: Quốc lộ A, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Phan Hoàng H**, sinh năm: 1988 (vắng)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Trần Duy G, sinh năm: 1968 (vắng)

Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Công ty TNHH C do ông Phan Hoàng H trình bày:**

Ngày 01/02/2021 Công ty TNHH C (gọi tắt là công ty C) và ông Trần Duy G có ký hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số 1065696/SE3B/2021/HĐ – CJVA. Công ty C có cung cấp thức ăn chăn nuôi cho ông Trần Duy G, trong quá trình mua bán, ông G còn nợ công ty C với số tiền là 159.989.002 đồng khoản nợ này được hai bên xác nhận vào ngày 07/01/2022, sau khi trừ các khoản triết khấu thì số nợ còn lại là 143.235.604 đồng.

Ngày 11/12/2023 ông G trả cho Công ty C số tiền 43.000.000 đồng

Ngày 08/5/2024 ông G trả cho Công ty C số tiền 50.000.000 đồng

Nay yêu cầu ông Trần Duy G phải trả cho công ty TNHH C số tiền nợ gốc là 50.235.604 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính ngày 07/01/2022 với lãi suất là 1,2%/ tháng cụ thể như sau:

Tiền lãi từ thời điểm chốt nợ ngày 07/01/2022 đến ngày 07/9/2023 là 21 tháng:
 $143.235.604 \text{ đồng} \times 1.2\% \times 21 \text{ tháng} = 36.095.372 \text{ đồng}$

Tiền lãi từ ngày 08/09/2023 đến ngày 10/12/2023 là 143.235.604 đồng $\times 1.2\% \times 3$ tháng = 5.156.482 đồng

Ngày 11/12/2023 ông G trả được tiền gốc 43.000.000 đồng còn nợ lại: 100.235.604 đồng nợ gốc nên tiền lãi từ ngày 11/12/2023 đến ngày 07/5/2024 $100.235.604 \text{ đồng} \times 1.2\% \times 5 \text{ tháng} = 6.014.136 \text{ đồng}$

Ngày 08/5/2024 ông G trả tiếp 50.000.000 đồng còn nợ lại tiền gốc là 50.235.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 08/5/2024 đến ngày xét xử là 04/7/2024 với nợ gốc 50.235.000 đồng $\times 1.2\%$

Bị đơn ông Trần Duy G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt do đó không có lời khai của ông G

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH C cho rằng ông Trần Duy G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ của hợp đồng mua bán hàng hóa, do đó Công ty TNHH C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Duy G thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Duy G có địa chỉ tại ấp P, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách đương sự tham gia tố tụng: Công ty TNHH C khởi kiện ông Trần Duy G tại Tòa án, do đó Công ty TNHH C là nguyên đơn, ông Trần Duy G là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH C ủy quyền cho ông Phan Hoàng H là người đại diện theo ủy

quyền do đó ông H là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Hoàng H là người đại diện hợp pháp cho Công ty TNHH C có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Trần Duy G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nên xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hợp đồng mua bán hàng hóa: Xét lời trình bày của các đương sự thì thấy: Công ty TNHH C yêu cầu ông Trần Duy G trả số tiền nợ gốc là 50.235.604 đồng. Công ty TNHH C đã cung cấp các tài liệu chứng cứ là Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số 1065696/SE3B/2021/HĐ - CJVN ngày 01/02/2021, Giấy xác nhận công nợ đề ngày 07/01/2022 và giấy xác nhận công nợ đề ngày 06/4/2023 có xác nhận của ông Trần Duy G, hơn nữa quá trình giải quyết vụ án ông G vẫn tự nguyện trả một phần số nợ trên. Do đó việc khởi kiện của Công ty C là có cơ sở. Do đó buộc ông Trần Duy G trả cho Công ty TNHH C số tiền nợ 50.235.604 đồng là phù hợp.

[5] Về tiền lãi suất: Công ty TNHH C yêu cầu ông Trần Duy G trả số tiền lãi chậm trả trên dư nợ gốc lãi suất là 1,2%/ tháng là phù hợp với quy định pháp luật về mức lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 tại Bộ luật dân sự. Đối với số tiền chậm trả lãi cụ thể như sau:

Tiền lãi từ thời điểm chốt nợ ngày 07/01/2022 đến ngày 07/9/2023 là 20 tháng:
 $143.235.604 \text{ đồng} \times 1,2\% \times 20 \text{ tháng} = 34.376.544 \text{ đồng}$

Tiền lãi từ ngày 08/09/2023 đến ngày 10/12/2023 là 143.235.604 đồng $\times 1,2\% \times 3$ tháng 02 ngày = 5.271.070 đồng

Do ngày 11/12/2023 ông G trả được tiền gốc 43.000.000 đồng còn nợ lại: 100.235.604 đồng nợ gốc nên tiền lãi từ ngày 11/12/2023 đến ngày 07/5/2024 $100.235.604 \text{ đồng} \times 1,2\% \times 04 \text{ tháng} 26 \text{ ngày} = 5.853.724 \text{ đồng}$

Ngày 08/5/2024 ông G trả tiếp 50.000.000 đồng còn nợ lại tiền gốc là 50.235.604 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 08/5/2024 đến ngày xét xử là 04/7/2024 với nợ gốc 50.235.604 đồng $\times 1,2\% \times 01 \text{ tháng} 26 \text{ ngày} = 1.125.278 \text{ đồng}$

Như vậy ông G phải trả tiền lãi cho Công ty TNHH C là 46.627.000 đồng

[6] Về án phí: ông Trần Duy G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 96.862.604 đồng $\times 5\% = 4.843.000 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 228, Điều 146, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 430, 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH C

Buộc ông Trần Duy G phải trả cho Công ty TNHH C số tiền 96.862.604 đồng (*Chín mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn sáu trăm lẻ bốn đồng*) trong đó nợ gốc 50.235.604 đồng, nợ lãi 46.627.000 đồng

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: ông Trần Duy G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.843.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm bốn ba ngàn đồng*)

Hoàn trả cho Công ty TNHH C số tiền 4.480.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009090 ngày 14/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Ly